

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Th

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước

2. Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Trương Th Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hứa Thị Hồng G sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Thành T sinh năm 1977 (Vắng)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng G đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại UBND thị trấn Duyên Hải (nay là UBND phường 1). Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn vào năm 2016. Nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều. Từ đó vợ

chồng sống ly thân. Nay bà G cho rằng không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn ông T.

- Về con chung: bà G khai bà và ông T có con chung là Nguyễn Thị Th Th sinh ngày 28/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Thành Ta sinh ngày 21/11/2014, bà Hứa Thị Hồng G yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà G khai vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản nêu ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng không lấy được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hứa Thị Hồng G.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là Nguyễn Thành Ta sinh ngày 21/11/2014 cho bà Hứa Thị Hồng G nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà G không có yêu cầu chia tài sản chung, còn ông T chưa có ý kiến về tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà G khai bà và ông T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Hứa Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà G và ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Thành T có hộ khẩu thường trú tại Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thành T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa và căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị Hồng G và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại UBND thị trấn Duyên Hải (nay là UBND phường 1) theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà G và ông T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà G trong thời gian chung sống, giữa bà và ông T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà G và ông T có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông T và bà G đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà G và ông T đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà G vẫn cương quyết ly hôn ông T. Còn ông T không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà G một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông T vì cho rằng không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục chung sống với ông T. Điều này cho thấy khả năng để bà G và ông T đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà G và ông T hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hứa Thị Hồng G như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Hứa Thị Hồng G và ông Nguyễn Thành T có con chung là Nguyễn Thị Th Th sinh ngày 28/02/2002 và Nguyễn Thành Ta sinh ngày 21/11/2014. Đối với Nguyễn Thị Th Th đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Thành Ta hiện đang sống chung với bà G và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà G. Sau khi xem hết các điều kiện nuôi con của bà G, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Ta cho bà Hứa Thị Hồng G tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của con, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hứa Thị Hồng G là người được giao nuôi con chung nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng

xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà Hứa Thị Hồng G có quyền yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà G không có yêu cầu chia tài sản chung; ông T chưa có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà G khai bà và ông T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà G không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà G là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ T hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hứa Thị Hồng G. Bà Hứa Thị Hồng G được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Ta sinh ngày 21/11/2014 cho bà Hứa Thị Hồng G tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không ai được quyền cản trở bà Hứa Thị Hồng G trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành Ta, cũng như cản trở ông Nguyễn Thành T thăm nom con chung.

Vì lợi ích của cháu Nguyễn Thành Ta, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Nguyễn Thành T hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Nguyễn Thành T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Hứa Thị Hồng G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của ông Nguyễn Thành T theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Thị Hồng G không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Ta nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Hứa Thị Hồng G có quyền yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Ta theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà G không có yêu cầu chia tài sản chung; ông T chưa có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Hứa Thị Hồng G và ông Nguyễn Thành T có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà G hoặc ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà G khai bà và anh T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Hứa Thị Hồng G chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008190 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Hứa Thị Hồng G đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND phường 1;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Th